

Số: 228 /QĐ-UBND

Ia Pa, ngày 05 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 474/TTr-TCKH ngày 02/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2021 của huyện Ia Pa, như sau:

(chi tiết có các biểu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T. Tuyết*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Ban KTXH HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- MT, đoàn thể huyện;
- UBND các xã;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu VT, NS.

Huỳnh Văn Trường

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021
 (Kèm theo Quyết định số 228 /QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý 6 tháng đầu năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	299.741	184.330	61%	102%
I	Thu cân đối NSNN	12.470	8.147	65%	119%
1	Thu nội địa	12.470	8.147	65%	119%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		32.548		
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	287.271	143.636	50%	132%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	299.741	112.906	38%	83%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	267.043	99.062	37%	98%
1	Chi đầu tư phát triển	25.026	-	0%	0%
2	Chi thường xuyên	236.676	96.818	41%	131%
3	Dự phòng ngân sách	5.341	2.244	42%	
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	32.698	13.844	42%	41%

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2021
 (Kèm theo Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 05 /7/2021 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý 6 tháng đầu năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	16.780,00	9.472,83	56%	194%
I	Thu nội địa	16.780,00	9.472,83	56%	120%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp NN	-	35,59		82%
2	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	5.750,0	2.061,00	36%	67%
3	Thu tiền cấp quyền khai thác khoán sản (do tính cấp quyền khai thác)	2.500,0			
4	Thu tiền sử dụng đất	2.000,0	1.127,00	56%	478%
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		24,60		
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		1,30		
7	Lệ phí trước bạ	1.700,0	3.652,00	215%	560%
8	Phí và lệ phí	930,0	413,00	44%	99%
9	Thuế thu nhập cá nhân	1.250,0	765,69	61%	135%
10	Tiền cho thuê đất	200,0	153,00	77%	94%
11	Thu phạt và thu khác ngân sách	2.350,0	1.096,65	47%	45%
12	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế xử lý	100,0		0%	
13	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		108,00		60%
14	Các khoản huy động, đóng góp		35,00		
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	12.470	8.147	65%	186%
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	12.470	8.147	65%	186%

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý 6 tháng đầu năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSĐP	299.741	112.906	38%	83%
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	267.043	99.062	37%	98%
I	Chi đầu tư phát triển	25.026	-	0%	0%
1	Chi đầu tư cho các dự án	21.596	-	0%	0%
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	-			0%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000		0%	
2	Chi đầu tư phát triển từ nguồn 50% tăng thu dự toán	1.430		0%	
3	Chi đầu tư phát triển khác		-		0%
II	Chi thường xuyên	236.676	96.818	41%	131%
	<i>Trong đó:</i>	-			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	123.857	58.285	47%	104%
2	Chi khoa học và công nghệ	446	271	61%	97%
3	Chi 50% từ dự toán tăng thu tương ứng	386		0%	
III	Dự phòng ngân sách	5.341	2.244	42%	77%
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	32.698	13.844	42%	41%
-	Chênh lệch học bổng học sinh DTNT theo Thông tư liên tịch số 43/2007/TTLT-BTC-BGDĐT	536	268	50%	
-	Kinh phí hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non theo NĐ 105/2020/NĐ-CP:	3.258	1.150	35%	
-	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo NĐ 86	1.423	700	49%	
-	Chính sách hỗ trợ học bổng và mua sắm phương tiện đồ dùng học tập cho HS khuyết tật (42/2013/TTLT-BGD-BTC)	574	264	46%	
-	Hỗ trợ học sinh, sinh viên là người đồng bào dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục cao đẳng, trung cấp theo quyết định 53/2015/QĐ-TTg	79	-	0%	
-	Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS tại các cơ sở GD đại học theo QĐ số 66/2013/QĐ-TTg	36	-	0%	

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý 6 tháng đầu năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
-	Dự toán chi thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí	8.724	7.415	85%	
-	Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	4.921	-	0%	
-	Hỗ trợ tiêu đội dân quân thường trực	661	329	50%	
-	Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật	6.154	2.792	45%	
-	Chính sách hỗ trợ hộ nghèo tiền điện	1.491	135	9%	
-	Chi hoạt động đời sống văn hóa Khu dân cư	531	210	40%	
-	Chi hoạt động Đảng theo QĐ 99	530	220	42%	
-	Hỗ trợ chi hội thôn theo QĐ 49	75	35	47%	
-	Thanh tra nhân dân	45	20	44%	
-	Hỗ trợ phụ cấp đội ngũ cộng tác viên giảm nghèo	27	-	0%	
-	Chi cho người có uy tín trong đồng bào DTTS theo QĐ số 12/QĐ-TTg ngày 6/3/2018(Thay thế QĐ số 18/2011, QĐ 56/2013 sửa đổi BS QĐ 18/2011)	50	50	100%	
-	Tạm ứng kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện tiêm phòng vắc xin lở mồm long móng năm 2020	208	-	0%	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông	220	110	50%	
	Hỗ trợ môi trường, kiến thiết thị chính (Kinh phí thực hiện đền bù, mở rộng nghĩa trang huyện)	3.000	-	0%	
	Hoàn trả tạm ứng kinh phí hỗ trợ tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số năm 2019	155	145	94%	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-			